

PHÒNG CHỐNG GIAN LẬN THƯƠNG MẠI ĐỐI VỚI MẶT HÀNG CÔNG NGHIỆP TRONG HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU

● **TRỊNH THỊ THU HIỀN¹ - VŨ HÙNG THỊNH² - TRẦN HOÀNG QUÂN³**

¹Phó Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương

²Nguyên Trưởng phòng - Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Hà Nội

³Chuyên gia nghiên cứu độc lập

TÓM TẮT:

Báo cáo nghiên cứu về thực trạng gian lận thương mại tại Việt Nam và kinh nghiệm quốc tế, tập trung tìm hiểu vấn đề gian lận thương mại liên quan đến hàng công nghiệp trong giai đoạn gần đây, có tính đến bối cảnh từ khi Việt Nam gia nhập WTO; đặc biệt chú trọng phân tích đặc điểm, nguyên nhân và đánh giá thực trạng, hậu quả gian lận thương mại trong hoạt động xuất nhập khẩu (XNK), từ đó đề xuất biện pháp phòng chống gian lận mặt hàng công nghiệp thời gian tới. Kết quả nghiên cứu của Đề tài là tài liệu tham khảo đối với việc ứng dụng đàm phán và thực thi Hiệp định thương mại tự do. Đề tài nghiên cứu hệ thống giải pháp trọng tâm về phòng chống gian lận thương mại mặt hàng công nghiệp XNK của Việt Nam, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của cơ quan cấp Bộ, giúp cho hoạt động quản lý nhà nước hiệu quả hơn, tiết kiệm hơn, đáp ứng các yêu cầu thực tiễn.

Từ khóa: ngoại thương, xuất nhập khẩu, xuất xứ hàng hóa, FTA, thương mại quốc tế, gian lận thương mại, mặt hàng công nghiệp, chính sách.

1. Đặt vấn đề

Trong thương mại quốc tế hiện đại, hàng công nghiệp chiếm vị trí trung tâm trong dòng chảy XNK toàn cầu do gắn trực tiếp với chuỗi giá trị sản xuất, công nghệ, năng lượng, logistics và năng lực cạnh tranh quốc gia. Theo WTO, thương mại hàng hóa và dịch vụ toàn cầu tiếp tục phục hồi trong giai đoạn gần đây; riêng khối lượng thương mại hàng hóa thế giới năm 2025 tăng 4,6%, cao hơn đáng kể so với dự báo trước đó, trong đó nhu cầu đối với hàng hóa liên quan đến trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, thiết bị điện tử và công nghệ cao là một trong các động lực chính. UNCTAD ghi nhận thương mại toàn cầu năm 2024 có xu hướng phục hồi tích cực sau giai đoạn suy giảm, nhưng đồng thời chịu tác động mạnh bởi căng thẳng địa chính trị, thay đổi chính sách thuế quan,

biện pháp phi thuế quan và xu hướng tái cấu trúc chuỗi cung ứng. Theo cách tiếp cận của Tổ chức Hải quan thế giới, gian lận thương mại gắn với các hành vi vi phạm pháp luật hải quan nhằm trốn tránh thuế, phí, né tránh các hạn chế đối với hàng hóa, nhận lợi ích không hợp pháp hoặc tạo lợi thế thương mại bất hợp pháp. Theo đó, gian lận thương mại được hiểu là gian lận hải quan.

Tuy nhiên, gian lận thương mại trong hoạt động XNK còn là hành vi cố ý làm sai lệch, che giấu hoặc giả mạo thông tin liên quan đến hàng hóa, chứng từ, trị giá, mã số, xuất xứ hoặc nghĩa vụ thuế nhằm thu lợi bất hợp pháp. Do đó, gian lận thương mại không chỉ là gian lận hải quan, mà còn là vấn đề quản trị thương mại, thực thi chính sách XNK gắn với xuất xứ hàng hóa.

Đối với nhóm hàng công nghiệp, đặc điểm nổi bật là mức độ phân mảnh sản xuất rất cao. Một sản phẩm công nghiệp hoàn chỉnh thường được hình thành từ nhiều công đoạn tại nhiều quốc gia khác nhau: thiết kế, sản xuất linh kiện, gia công bán thành phẩm, lắp ráp cuối cùng, kiểm định chất lượng và phân phối. Chính vì vậy, việc quản lý XNK hàng công nghiệp không chỉ dừng ở kiểm soát trị giá, số lượng và mã HS, mà còn phải gắn với xác định xuất xứ, kiểm soát công đoạn gia công và đánh giá mức độ chuyển đổi thực chất của hàng hóa.

2. Cơ sở lý luận

Thương mại quốc tế là quá trình trao đổi hàng hóa, dịch vụ và các yếu tố sản xuất giữa các quốc gia, phản ánh sự phân công lao động ở quy mô toàn cầu và sự khác biệt về nguồn lực, công nghệ và năng suất giữa các nền kinh tế (Krugman, Obstfeld, & Melitz, 2018). Về mặt lý luận, thương mại quốc tế không chỉ đơn thuần là hoạt động trao đổi mà còn là một cơ chế điều phối nguồn lực, cho phép các quốc gia tối ưu hóa sản xuất thông qua chuyên môn hóa dựa trên lợi thế so sánh (Ricardo, 1817).

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, thương mại quốc tế đã vượt ra khỏi khuôn khổ trao đổi hàng hóa cuối cùng và chuyển sang mô hình trao đổi các công đoạn sản xuất trong chuỗi giá trị toàn cầu. Điều này làm thay đổi bản chất của thương mại, khi các quốc gia không còn cạnh tranh đơn thuần bằng sản phẩm hoàn chỉnh mà bằng vị trí của mình trong chuỗi giá trị (Baldwin, 2016). Sự phát triển của công nghệ thông tin và logistics đã làm giảm đáng kể chi phí giao dịch, cho phép sản xuất được phân tán trên nhiều quốc gia và tạo ra các mạng lưới sản xuất toàn cầu phức tạp (Cumming et al., 2023).

Thực tiễn hiện đại cũng cho thấy, các lý thuyết cổ điển cần được bổ sung bởi các lý thuyết thương mại mới. Nếu thương mại truyền thống chủ yếu là trao đổi sản phẩm hoàn chỉnh giữa các quốc gia, thì ngày nay thương mại quốc tế diễn ra ngày càng nhiều dưới dạng trao đổi linh kiện, bán thành phẩm, công đoạn sản xuất và dịch vụ trong chuỗi giá trị toàn cầu. Ví dụ, một sản phẩm điện tử có thể được thiết kế tại Hoa Kỳ, sử dụng linh kiện sản xuất tại Hàn Quốc, Nhật Bản hoặc Đài Loan (Trung Quốc), lắp ráp tại Việt Nam hoặc Trung Quốc, sau đó xuất khẩu sang thị trường châu Âu hoặc Bắc Mỹ. Điều này phù hợp với lý thuyết thương mại mới và lý thuyết chuỗi giá trị toàn

cầu, trong đó lợi thế thương mại không chỉ nằm ở tài nguyên hay lao động, mà còn nằm ở quy mô sản xuất, năng suất doanh nghiệp, công nghệ, logistics, thể chế và khả năng tham gia vào những công đoạn có giá trị gia tăng cao.

Trên tinh thần hội nhập và mở cửa, từng bước bắt kịp với sự phát triển của thương mại quốc tế, các nước tham gia ký kết và đang đàm phán nhiều Hiệp định thương mại tự do (FTA). Trong bối cảnh chủ nghĩa bảo hộ trỗi dậy như hiện nay, các nước sử dụng phổ biến các công cụ bảo hộ như áp thuế chống phá giá, thuế chống trợ cấp, thuế tự vệ. Các mức thuế này có thể ở mức rất cao, làm vô hiệu hóa khả năng tiếp cận thị trường của các nước bị áp thuế. Do vậy, xu hướng của doanh nghiệp có hàng hóa bị áp thuế là tìm cách gian lận thương mại để lẩn tránh các mức thuế nói trên.

3. Đặc điểm, nguyên nhân, hậu quả của gian lận thương mại

3.1. Đặc điểm của gian lận thương mại

Đặc điểm nổi bật của gian lận thương mại trong XNK là hành vi gian lận thường gắn trực tiếp với nghĩa vụ thuế và chính sách quản lý thương mại. Trong trường hợp coi gian lận thương mại là gian lận hải quan, hình thức phổ biến gồm khai sai xuất xứ, khai thấp trị giá, phân loại sai mã hàng và nhập khẩu, xuất khẩu không khai báo. Ngoài ra, gian lận thương mại có xu hướng thay đổi theo chính sách thương mại. Khi thuế quan, biện pháp phòng vệ thương mại hoặc tiêu chuẩn nhập khẩu thay đổi, doanh nghiệp có thể phát sinh động cơ điều chỉnh cách khai báo, thay đổi tuyến vận chuyển, sử dụng chứng từ không chính xác hoặc lợi dụng nước thứ ba để gian lận xuất xứ, né tránh nghĩa vụ pháp lý.

Báo cáo này tiếp cận vấn đề từ phạm vi rộng là gian lận thương mại trong hoạt động XNK mặt hàng công nghiệp, không hạn chế gian lận thương mại gắn với gian lận hải quan mà tập trung phân tích sâu vào gian lận thương mại thông qua xuất xứ.

3.2. Nguyên nhân gian lận thương mại

Thứ nhất, doanh nghiệp nước ngoài tận dụng ưu đãi thuế quan Việt Nam được hưởng theo cam kết quốc tế nhưng nước sản xuất bán thành phẩm ban đầu không được hưởng. Mức thuế quan nhập khẩu ưu đãi trong khuôn khổ các FTA có thể chênh lệch từ 10% đến 40% so với thuế MFN giữa các nước thành viên WTO. Vì vậy, hàng hóa từ một số nước xung quanh

có thể chuyển tải qua Việt Nam hoặc gia công đơn giản và mượn xuất xứ Việt Nam để hưởng lợi bất hợp pháp. (Hình 1)

Thứ hai, doanh nghiệp nước ngoài lần tránh các biện pháp bảo hộ mà nước nhập khẩu áp dụng đối với nước đó. Ví dụ: khi EU áp thuế chống bán phá giá giày da đối với một số nước, nhiều lô hàng giày dép từ các nước bị đánh thuế đã giả xuất xứ Việt Nam để lần tránh thuế chống bán phá giá của EU.

3.3. Hậu quả gian lận thương mại trong hoạt động xuất nhập khẩu

Một là, khi thương mại trong hoạt động XNK gia tăng, nước nhập khẩu sẽ tăng cường hoạt động xác minh xuất xứ hàng hóa và sau đó, có thể điều tra chống lần tránh biện pháp phòng vệ thương mại.

Hai là, hàng hóa bị gian lận không đảm bảo chất lượng, gây ảnh hưởng đến uy tín của hàng hóa Việt Nam, uy tín của doanh nghiệp Việt Nam làm ăn chân chính và uy tín của tổ chức cấp Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) Việt Nam.

Ba là, cũng có trường hợp các nước nhập khẩu nghi ngờ uy tín của hàng xuất khẩu Việt Nam và phản ứng đồ-mi-nô theo chuỗi.

Bốn là, nước nhập khẩu có thể (1) áp dụng các biện pháp chống gian lận xuất xứ hàng hóa như tạm dừng ưu đãi thuế quan đối với ngành hàng cụ thể xuất khẩu từ Việt Nam, không phân biệt doanh nghiệp vi phạm hay không, (2) áp dụng rào cản thương mại,...

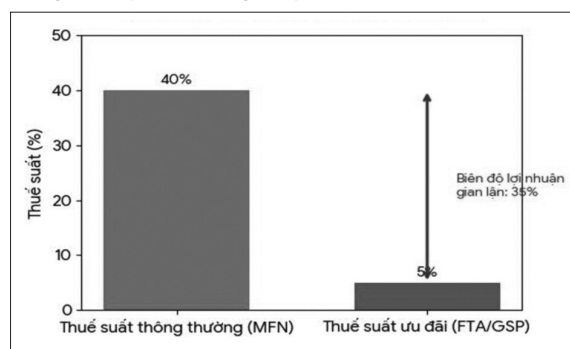
Năm là, gian lận đối với hàng xuất khẩu Việt Nam sẽ khiến các nước xem xét đàm phán lại hoặc xây dựng quy định chặt hơn để ngăn chặn một số mặt hàng xuất khẩu từ Việt Nam và sử dụng quy tắc xuất xứ như một công cụ hữu hiệu quản lý nhập khẩu.

4. Thực trạng tại Việt Nam và kinh nghiệm quốc tế

4.1. Bối cảnh và thực trạng gian lận thương mại trong hoạt động xuất nhập khẩu

Các Hiệp định đã giúp Việt Nam được hưởng nhiều ưu đãi thuế quan, thu hút đầu tư nước ngoài và phát triển thương mại đáng kể. Trong 20 năm đầu thế kỷ XXI, kim ngạch XNK của Việt Nam tăng 1659%, từ 31.1 tỷ USD lên 547 tỷ USD, kim ngạch xuất khẩu tăng 1738% từ 15.1 tỷ USD lên 262.5 tỷ USD. Đối với nhóm hàng công nghiệp, rủi ro gian lận thương mại tập trung ở các mặt hàng có kim ngạch lớn, chịu thuế chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp tại các thị trường lớn như Hoa Kỳ, EU, Hàn Quốc, Canada,

Hình 1: Chênh lệch thuế suất kích hoạt nguy cơ gian lận thương mại



Nguồn: Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương

Australia, bao gồm thép, nhôm, gỗ, pin mặt trời, linh kiện điện tử, máy móc, phụ tùng và hàng công nghiệp tiêu dùng.

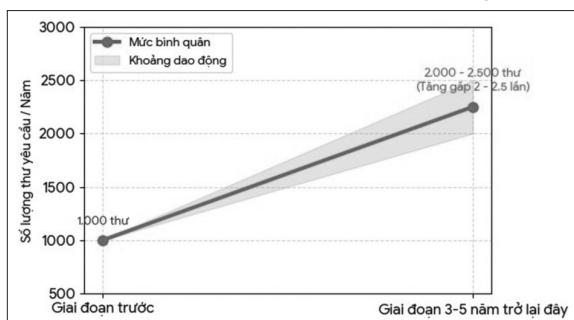
Trước đây, hành vi gian lận thương mại trong xuất xứ hàng hóa diễn ra còn ít. Tuy nhiên, hiện nay, hành vi này bắt đầu gia tăng và có nhiều biểu hiện phức tạp. Xét về mục đích, nếu như trước đây hành vi gian lận chủ yếu nhằm vào các loại C/O ưu đãi để được hưởng thuế suất FTA (chênh lệch so với thuế suất MFN) thì hiện nay, trong bối cảnh các biện pháp phòng vệ thương mại được áp dụng gắt gao, các hành vi gian lận chuyển sang cả các loại C/O không ưu đãi nhằm lần tránh các biện pháp phòng vệ thương mại, qua đó tránh được các biện pháp trừng phạt (đánh thuế chống bán phá giá, thuế đối kháng hoặc thuế tự vệ).

4.2. Cách thức thực hiện hành vi gian lận thương mại trong hoạt động xuất nhập khẩu hàng công nghiệp tại Việt Nam

Lợi dụng cơ chế chính sách: Theo xu hướng thương mại quốc tế và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, việc mở rộng hình thức cấp C/O qua mạng internet và áp dụng tự chứng nhận xuất xứ, cơ chế kiểm tra, xác minh xuất xứ dần thay đổi theo hướng chuyển dần sang hậu kiểm. Khi tạo thuận lợi cho doanh nghiệp thì rủi ro gian lận xuất xứ tăng lên. Số vụ vi phạm về làm giả hồ sơ, chứng từ tăng cao trong thời gian gần đây. Lượng công văn các nước đề nghị xác minh xuất xứ tăng từ 1.000 thư yêu cầu lên 2.000 - 2.500 thư yêu cầu mỗi năm trong giai đoạn 3-5 năm trở lại đây. (Hình 2)

Lợi dụng đầu tư nước ngoài tại Việt Nam để gian lận thương mại thông qua mượn xuất xứ hàng hóa: Ở một mức độ nào đó, khái niệm "lợi dụng" xuất xứ

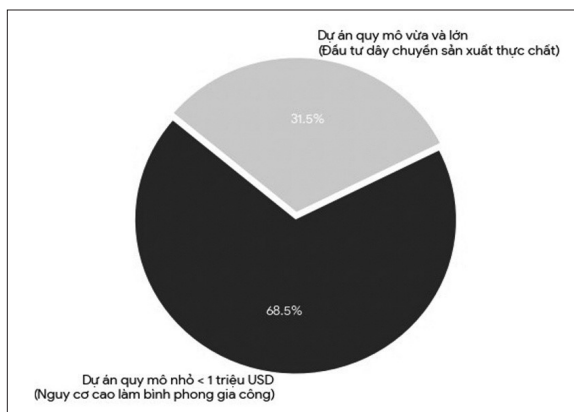
Hình 2: Xu hướng gia tăng lượng thư đề nghị xác minh xuất xứ từ hải quan nước ngoài



Nguồn: Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương

hàng hóa cũng cần được xem xét một cách thận trọng, tránh gây ra những hiểu nhầm trong việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Cũng có thể có trường hợp doanh nghiệp nước ngoài chỉ đầu tư số vốn nhỏ tại Việt Nam để làm bình phong, che giấu mục đích thực sự là biến Việt Nam thành một điểm gia công đơn giản cho hàng hóa của họ để lấy xuất xứ Việt Nam trước khi xuất khẩu sang các nước thứ ba. Thông qua hoạt động kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa và chống gian lận thương mại, Bộ Công Thương nhận thấy, thực tế có trường hợp sản phẩm của nước ngoài chỉ gia công đơn giản tại Việt Nam (lắp ghép, đóng gói) nhằm mượn xuất xứ Việt Nam.

Hình 3: Cơ cấu số lượng dự án FDI và hiện tượng đầu tư làm bình phong



Nguồn: Bộ Tài chính

4.3. Kinh nghiệm quốc tế

Chính sách quản lý hàng hóa XNK của các nước hàm chứa nhiều nội dung chuẩn mực, chặt chẽ, nhưng lại hết sức linh hoạt, có thể để Việt Nam học tập.

*EU: Chính sách thương mại chung (CCP) là một

trong những trụ cột chính trong quan hệ của Liên minh châu Âu với các nước khác trên thế giới. EU thúc đẩy một hệ thống thương mại đa phương mạnh mẽ. EU ngăn chặn gian lận thương mại thông qua một số chính sách mang tính bền vững, trên nguyên tắc đề cao ý thức doanh nghiệp và xử phạt đích đáng.

**Nhật Bản*: Chính sách thương mại của Nhật Bản hướng tới khuyến khích xuất khẩu, hạn chế nhập khẩu, thúc đẩy thương mại tự do. Nhật Bản đã có những điều chỉnh thích hợp trong chính sách, đặc biệt là việc ngăn chặn gian lận thương mại thông qua xuất xứ hàng hóa. Vấn đề chống buôn lậu, gian lận xuất xứ và hàng giả được quan tâm và áp dụng chế tài xử phạt rất nặng.

**Hoa Kỳ*: Nước này áp dụng chính sách đánh vào việc hưởng thuế suất ưu đãi theo nước xuất xứ. Người vi phạm luật pháp về nhập khẩu hàng hóa, kể cả hàng giả sẽ bị phạt tù hoặc phạt tiền. Hàng hóa của người vi phạm có thể bị tịch thu hoặc bị tạm giữ để đảm bảo việc nộp phạt.

**Canada*: Canada quy định chế tài xử phạt từ 150 USD đến 400.000 USD và điều tra, xử lý hình sự liên quan đến các hình thức gian lận thương mại, đặc biệt là gian lận xuất xứ hàng hóa. Ngoài ra, Canada ban hành danh mục mặt hàng bắt buộc ghi nhãn nước xuất xứ và tiêu chí xác định nước xuất xứ, khuyến khích doanh nghiệp tự phát hiện lỗi khai báo khi kiểm toán nội bộ hoặc qua bên thứ ba (tư vấn, luật sư...).

**Một số nước khác*: kiểm soát rất chặt chẽ danh sách nhà nhập khẩu; yêu cầu bắt buộc chứng thực lãnh sự tại các phái đoàn ngoại giao; tăng cường đào tạo nhân sự về kiểm tra, xác minh hàng hóa, áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật tiên tiến trong công tác xác định xuất xứ của hàng hóa;...

5. Đề xuất giải pháp và kết luận

5.1. Đề xuất giải pháp

Giải pháp phòng chống gian lận thương mại đối với mặt hàng công nghiệp trong hoạt động XNK của Việt Nam được đề xuất theo 3 nhóm chính, bao gồm:

- Hoàn thiện cơ sở pháp lý như sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật, trong đó, chế tài xử phạt cần mang tính răn đe.

- Kện toàn tổ chức, nâng cao năng lực bộ máy thực hiện pháp luật và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu, cập nhật tiêu chí xuất xứ hàng công nghiệp, hợp tác với cơ quan có thẩm quyền

nước ngoài, phối hợp giữa các cơ quan tổ chức trong nước, nâng cao nhận thức các đối tượng liên quan.

Việc hoàn thiện cơ sở pháp lý cần hướng tới 2 mục tiêu song song: một mặt tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu chân chính; mặt khác ngăn chặn hiệu quả các hành vi gian lận, giả mạo xuất xứ, chuyển tải bất hợp pháp đối với hàng công nghiệp. Chế tài xử phạt gắn với việc tăng cường hiệu lực răn đe. Nghiên cứu này bổ sung cơ chế xử phạt theo hướng gắn mức phạt với giá trị lô hàng, mức độ hưởng lợi bất hợp pháp và hậu quả gây ra cho thị trường xuất khẩu. Đối với hành vi cố ý giả mạo xuất xứ, tiếp tay cho chuyển tải bất hợp pháp hoặc tổ chức đường dây mượn xuất xứ Việt Nam, cần áp dụng mức phạt cao hơn, tước quyền đề nghị cấp C/O trong thời hạn nhất định, công khai tên doanh nghiệp vi phạm, thu hồi C/O đã cấp và chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra khi có dấu hiệu hình sự.

Giải pháp kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực bộ máy thực hiện pháp luật và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát cần được ưu tiên do phòng chống gian lận thương mại không chỉ là vấn đề hoàn thiện văn bản pháp luật, mà còn phụ thuộc rất lớn vào năng lực tổ chức thực thi. Một trong những hạn chế trong công tác quản lý hàng hóa hiện nay là dữ liệu phân tán giữa nhiều cơ quan, hệ thống và cấp quản lý khác nhau. Điều này làm giảm khả năng đối chiếu thông tin, phát hiện bất thường và cảnh báo sớm các hành vi gian lận.

Công tác xây dựng cơ sở dữ liệu, cập nhật tiêu chí xuất xứ hàng công nghiệp, hợp tác quốc tế, việc phối

hợp với cơ quan có thẩm quyền nước ngoài, việc phối hợp giữa các cơ quan tổ chức trong nước, nâng cao nhận thức các đối tượng liên quan là giải pháp mang tính thường xuyên. Công tác xây dựng cơ sở dữ liệu, cập nhật tiêu chí xuất xứ hàng công nghiệp gắn với quy trình sản xuất thực tế là giải pháp mang tính tập trung vào phòng chống gian lận trong hoạt động XNK hàng công nghiệp. Giải pháp về phối hợp giữa các cơ quan tổ chức trong và ngoài nước cần được triển khai thông qua thiết lập cơ chế phối hợp theo chuỗi vụ việc thay vì phối hợp hành chính đơn lẻ, khắc phục hạn chế thường gặp trong phòng chống gian lận là các cơ quan quản lý có thể nắm giữ những mảnh thông tin khác nhau nhưng chưa được kết nối thành một hồ sơ rui ro thống nhất.

5.2. Kết luận

Trong những năm gần đây, gian lận thương mại đặc biệt là gian lận xuất xứ hàng hóa trong hoạt động xuất nhập khẩu có xu hướng tăng và đa dạng dưới nhiều hình thức, mà hậu quả của hành vi gian lận không chỉ ảnh hưởng đến doanh nghiệp Việt Nam mà còn có thể ảnh hưởng tới cả một ngành hàng hoặc hoạt động xuất khẩu của đất nước. Vì vậy, nhằm xây dựng hệ thống các giải pháp đồng bộ, liên ngành để phòng chống gian lận thương mại, bảo vệ uy tín hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, việc nghiên cứu thực trạng và đưa ra giải pháp phòng chống gian lận thương mại là việc hết sức quan trọng, cần ưu tiên đối với các mặt hàng công nghiệp được gia công chế biến tại nhiều quốc gia trong bối cảnh thực thi FTA hiện nay ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Chính phủ (2018), Nghị định số 69/2018 ngày 15/5/2018 hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.
- Chính phủ (2018), Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa.
- Bộ Công Thương (2023), Giải đáp tình huống xuất xứ hàng hóa, NXB Công Thương.
- Bộ Công Thương (2019), Sổ tay văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, NXB Công Thương.
- Bộ Công Thương (2020), Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu - Bình luận của người trong cuộc, NXB Thanh niên.
- Asian Development Bank (2021), Asian economic integration report.
- Atkin, D., & Khandelwal, A. K. (2019), How distortions alter the impacts of international trade in developing countries. *Annual Review of Economics*, 11, 213-238.
- Bown, C. P. (2019), The US-China trade war and its global impacts. Peterson Institute for International Economics.
- Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership (2018), Text of the CPTPP Agreement.

Cumming, D., Johan, S., Khan, Z., & Meyer, M. (2023), E-commerce policy and international business. *Management International Review*, 63, 3-25.

European Commission (2020), Rules of origin in EU trade agreements.

Freund, C., Mattoo, A., Mulabdic, A., & Ruta, M. (2023), Is US trade policy reshaping global supply chains? *Journal of International Economics*.

Kee, H. L., & Nicita, A (2022), Trade fraud and non-tariff measures.

Korea Customs Service (2024), Annual report on customs enforcement.

TRACIT (2023), The global illicit trade environment index.

U.S. Census Bureau (2024), U.S. international trade in goods and services.

U.S. Department of Justice (2023), Enforcement actions related to Section 232 tariffs.

U.S. International Trade Commission (2023), Solar panel trade investigations.

Ngày nhận bài: 9/3/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 24/3/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 11/4/2026

PREVENTING TRADE FRAUD IN IMPORT AND EXPORT OF INDUSTRIAL GOODS

● **TRINH THI THU HIEN¹**

● **VU HUNG THINH²**

● **TRAN HOANG QUAN³**

¹ Deputy Director, Foreign Trade Agency,
Ministry of Industry and Trade

²Former Head, Hanoi Region Import-Export Management Department

³Independent researcher

ABSTRACT:

This study examines the current state of foreign trade fraud in Vietnam with a particular focus on fraudulent practices involving industrial goods in import and export activities since Vietnam's accession to the WTO. It analyzes the characteristics, causes, manifestations, and consequences of trade fraud, while drawing on relevant international experience to identify appropriate preventive measures. The findings provide an useful reference for the negotiation and implementation of free trade agreements and contribute to the formulation of key solutions for preventing industrial good trade fraud in Vietnam's foreign trade. By supporting the guidance and management activities of ministerial-level agencies, the study aims to enhance the effectiveness, efficiency, and practical relevance of state management in this field.

Keywords: foreign trade, import and export, rules of origin, FTA, international trade, trade fraud, industrial products, policy.